

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-PT

Ngày: 06 - 4 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Bà **Ngô Thị Trang**

Bà **Phạm Thị Anh Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh – thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A;

Địa chỉ: Số 442 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Nguyên L, sinh năm 1997 – nhân viên (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 8, tòa nhà A, 444A-446 đường C, Phường 11, Quận 10, Thành phố H.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Giống thủy sản H;

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh T – Giám đốc Công ty (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Thanh T, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Số 12 đường H, Khu phố 2, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH Giống thủy sản H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/5/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng) có cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H (viết tắt là Công ty) vay số tiền 1.100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số PHR.DN 2028.230519.

Ngân hàng và Công ty có ký thỏa thuận các điều khoản và điều kiện tín dụng chung ngày 24/5/2019, các bên phải thực hiện theo đúng các nội dung được ghi trong thỏa thuận các điều khoản và điều kiện tín dụng. Tất cả các hợp đồng cấp tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng được ký sau ngày 24/5/2019 đều phải căn cứ theo thỏa thuận chung này.

Khi vay Công ty có thể chấp cho Ngân hàng thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, diện tích 47,7m² (trong đó có căn nhà cấp 2B, diện tích 146,7m²) tọa lạc tại Khu phố 2, phường K, thành phố P, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 400859 ngày 18/6/2015 do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thành phố P cấp cho ông Trần Thanh T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PHR.BDDN.331.230519 ngày 24/5/2019 giữa Ngân hàng với ông T. Hợp đồng thế chấp được sử dụng cho nhiều lần cấp tín dụng của Ngân hàng cho bên được cấp tín dụng, có hiệu lực đến khi xảy ra một trong các trường hợp sau: Ngân hàng thông báo giải chấp hoặc xóa đăng ký thế chấp khi bên

được cấp tín dụng hoàn thành mọi nghĩa vụ được bảo đảm với Ngân hàng hoặc theo thỏa thuận giữa các bên. Ngân hàng hoàn tất việc xử lý tài sản thế chấp.

Đồng thời, ngày 24/5/2019 cá nhân ông Trần Thanh T có ký Giấy cam kết về việc trả nợ thay (bảo lãnh) khi Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông T phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng với Ngân hàng (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký cam kết. Giấy cam kết về việc trả nợ nêu trên có hiệu lực kể từ ngày ký, không hủy ngang. Cam kết trả nợ này được sử dụng cho nhiều lần cấp tín dụng của Ngân hàng cho bên được cấp tín dụng là Công ty.

Ngày 17/12/2019, Ngân hàng cho Công ty vay số tiền 1.300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số PHR.DN.2942.161219 ngày 17/12/2019 với thời hạn vay từ ngày 17/12/2019 đến ngày 24/5/2020. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là thửa đất số 08, tờ bản đồ 07, diện tích 47,7m² (trong đó có căn nhà cấp 2B, diện tích 146,7m²) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 400859, ngày 18/6/2015 do UBND thành phố P cấp cho ông Trần Thanh T và chiếc xe ô tô tải hiệu Mazda, biển số 85C-034.70. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty trả lãi cho Ngân hàng đầy đủ.

Ngày 03/7/2020, Ngân hàng tiếp tục cho Công ty vay số tiền 1.300.000.000đ theo hợp đồng tín dụng ký ngày 03/7/2020, thời hạn vay 09 tháng (từ ngày 04/7/2020 đến ngày 03/4/2021) với lãi suất 10,40%/năm, lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày tiếp theo bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay(%/năm) = LS13 + 3,5%/năm, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn; lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm tất cả theo khế ước nhận nợ ngày 03/7/2020 mà Công ty đã ký kết với Ngân hàng. Tài sản đảm bảo khoản vay là thửa đất số 08, tờ bản đồ 07, diện tích 47,7m² (trong đó có căn nhà cấp 2B, diện tích 146,7m²) tọa lạc tại Khu phố 2, phường K, thành phố P theo Giấy chứng nhận số CA 400859 ngày 18/6/2015 do UBND thành phố P cấp cho ông T (theo hợp đồng thế chấp ký ngày 24/5/2019 giữa Ngân hàng với ông T) và chiếc xe ô tô tải hiệu Mazda, biển số 85C-034.70 (theo hợp đồng thế chấp ký ngày 16/12/2019).

Quá trình vay Công ty có trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/11/2020 là 23.485.706 đồng. Do đó, đến ngày 25/11/2020, Công ty có ký với Ngân hàng hợp đồng sửa đổi, bổ

sung số PHR.DN.2978.260620/SĐBS-01 về sửa đổi, bổ sung điều khoản về hạn mức tín dụng còn lại 1.100.000.000 đồng và tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là thửa đất số 08, tờ bản đồ 07, diện tích 47,7m² (trong đó có căn nhà cấp 2B, diện tích 146,7m²) tọa lạc tại Khu phố 2, phường K, thành phố P. Mức lãi suất vẫn theo quy định tại khế ước nhận nợ số 312752489 ngày 03/7/2020 mà Công ty đã ký kết với Ngân hàng.

Từ ngày 04/11/2020 đến nay, Công ty đã không trả cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc, tiền lãi theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Đến ngày 03/4/2021 khi kết thúc hợp đồng tín dụng, Công ty cũng không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết trả nợ nên Ngân hàng chuyển sang tính lãi quá hạn đối với các khoản vay đồng thời không tiếp tục thực hiện hợp đồng với Công ty.

Tính đến ngày 30/9/2021, Công ty còn nợ số tiền 1.245.690.651 đồng (trong đó nợ gốc 1.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 50.723.562 đồng, nợ lãi quá hạn 88.693.151 đồng, phạt lãi chậm trả 6.273.938 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ trên. Công ty còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 01/10/2021 đến khi trả xong các khoản nợ.

Tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07 (trong đó có căn nhà cấp 2B, diện tích 146,7m²); địa chỉ: Khu phố 2, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Thanh T.

Bên bảo lãnh là ông Trần Thanh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 24/5/2019, cho đến khi Công ty trả hết nợ.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án buộc Công ty có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại giai đoạn sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phạt chậm trả lãi số tiền 6.273.938 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn – ông Trần Thanh T trình bày:

Tháng 12/2019, Công ty có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vay số tiền 1.100.000.000 đồng nhưng sau đó Công ty đã trả hết nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng.

Ngày 03/7/2020, Công ty có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vay số tiền 1.300.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay 09 tháng, kể từ ngày 04/7/2020 đến 03/4/2021. Lãi suất cho vay được tính theo lãi suất của Ngân hàng theo khế ước nhận nợ số 312752489 ngày 03/7/2021, lãi suất 10,40%/năm.

Để đảm bảo khoản vay 1.300.000.000 đồng, Công ty có thể chấp cho Ngân hàng thừa đất số 08, tờ bản đồ số 07, diện tích 47,7m² (trong đó có căn nhà cấp 2B, diện tích 146,7m²) tọa lạc tại Khu phố 2, phường K, thành phố P (Thửa đất số 08) đã được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh T (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PHR.BDDN.331.230519 ngày 24/5/2019) và chiếc xe ô tô tải hiệu Mazda, biển số 85C-034.70 (theo hợp đồng thế chấp cầm cố tài sản ngày 16/12/2019).

Trong quá trình vay, Công ty đã bán chiếc xe ô tô để trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 200.000.000 đồng. Đến ngày 25/11/2020, Công ty và Ngân hàng có ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PHR.DN.2978.260620/SĐBS-01 là Công ty còn vay của Ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng và tài sản đảm bảo cho khoản vay là thửa đất số 08.

Tháng 01/2021, Công ty có trả cho Ngân hàng số tiền lãi 49.600.000 đồng và từ đó cho đến nay Công ty chưa trả cho Ngân hàng. Do dịch Covid-19 nên việc làm ăn của Công ty gặp nhiều khó khăn, bản thân ông Trần Thanh T là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã 03 lần gửi đơn đến Ngân hàng Nhà nước - chi nhánh Ninh Thuận và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - chi nhánh Ninh Thuận xin cho Công ty hưởng chính sách theo Nghị định 11/2020 ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, nhưng đại diện Ngân hàng trao đổi với ông T, trường hợp của Công ty không được hội sở chính của Ngân hàng đồng ý.

Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì Công ty chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc 1.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.723.562 đồng, tất cả tính đến ngày 30/9/2021.

Công ty đồng ý tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng tín dụng số PHR.DN.2978.260620 ngày 03/7/2020 và khế ước nhận nợ số 312752489 ngày 03/7/2020 đến khi thi hành án xong.

Đối với khoản nợ lãi quá hạn 88.693.151 đồng, phạt lãi chậm trả 6.273.938 đồng, tất cả tính đến ngày 30/9/2021 thì Công ty không đồng ý trả tiền lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Thanh T trình bày:

Ông có bảo lãnh cho Công ty để vay số tiền 1.300.000.000 đồng tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ ký ngày 03/7/2020. Sau đó Công ty có trả cho Ngân hàng số tiền gốc 200.000.000 đồng, còn nợ 1.100.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay 1.100.000.000 đồng của Công ty thì ông đã bảo lãnh dùng tài sản là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, diện tích 47,7m² đất (gắn liền căn nhà cấp 2B, diện tích 146,7m²) tọa lạc tại Khu phố 2, phường K, thành phố P đã được cấp giấy chứng nhận cho ông để bảo lãnh khoản vay của Công ty theo hợp đồng số PHR.BDDN.331.230519 ngày 24/5/2019 mà ông đã ký. Thửa đất số 08 là tài sản riêng của ông và hiện nay ông đang quản lý, sử dụng chỉ có thể chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, ngoài ra không cầm cố, thế chấp cho ai. Trường hợp Công ty không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông đồng ý trả nợ thay cho Công ty. Ông đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PHR.BDDN.331.230519, ngày 24/5/2019 giữa Ngân hàng với ông (người bảo lãnh cho Công ty) để bảo đảm cho việc thi hành án.

Tại bản án kinh doanh – thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 87, các Điều 117, 118, 119, 292, 298, 299, 335, 336, 339, 340, 342, 351, 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ đối với số tiền phạt chậm trả lãi 6.273.938 đồng.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

1. Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Góng thủy sản H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc 1.100.000.000

đồng, nợ lãi trong hạn 50.723.562 đồng, nợ lãi quá hạn 88.693.151 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số PHR.DN.2978.260620 ngày 03/7/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PHR.DN.2978.260620/SĐBS-01 ngày 25/11/2020 và khế ước nhận nợ số 312752489 ngày 03/7/2020, tất cả tính đến ngày 30/9/2021. Tổng cộng 1.239.416.713 đồng (*một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm mười sáu ngàn bảy trăm mười ba đồng*).

2. Kể từ ngày 01/10/2021 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã ký thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số PHR.DN.2978.260620 ngày 03/7/2020; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PHR.DN.2978.260620/SĐBS-01, ngày 25/11/2020 và khế ước nhận nợ số 312752489 ngày 03/7/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H không trả được nợ thì buộc ông Trần Thanh T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn giống thủy sản H cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

4. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PHR.BDDN.331.230519, ngày 24/5/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Trần Thanh T đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ 07, diện tích 47,7m² (gắn liền căn nhà cấp 2B, diện tích 146,7m²) tọa lạc tại Khu phố 2, phường K, TP. P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 400859 ngày 18/6/2015 do Ủy ban nhân dân TP. P cấp cho ông Trần Thanh T để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ.

5. Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H chịu số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do Ngân hàng đã chi phí nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H phải có nghĩa vụ hoàn lại 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh – thương mại sơ thẩm, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/10/2021, bị đơn Công ty TNHH Giống thủy sản H kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh – thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N. Công ty TNHH Giống thủy sản H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng

Công ty TNHH Giống thủy sản H không đồng ý trả tiền lãi quá hạn và được gia hạn thời hạn trả nợ là 12 tháng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Các đương sự thừa nhận các hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay, thế chấp,... nên thuộc trường hợp không phải chứng minh. Bị đơn thừa nhận khoản nợ gốc 1.100.000.000đ và nợ lãi trong hạn, thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả lãi trong hạn theo hợp đồng vay nên ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ.

+ Bị đơn kháng cáo không đồng ý trả lãi quá hạn đối với dư nợ gốc 1.100.000.000đ và yêu cầu được gia hạn thời hạn trả nợ là 12 tháng; Nội dung kháng cáo này không có căn cứ nên đề nghị Tòa án không chấp nhận; Bác toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận việc giải quyết vụ án.

[1.2] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhận bản án ngày 08/10/2021 nên ngày 20/10/2021 bị đơn kháng cáo trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí (kể cả bổ sung) đầy đủ nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

[2] Các đương sự tranh luận:

[2.1] Bị đơn (kháng cáo) tranh luận rằng các hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay, thế chấp, bảo lãnh,... giữa bên vay là Công ty TNHH Giống thủy sản H (Công ty H) với bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Ngân hàng A) được xác lập trên tinh thần tự nguyện, thỏa thuận. Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi trong hạn cũng như nợ gốc là do dịch bệnh Covid-19 nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không buộc Công ty H phải chịu lãi suất nợ quá hạn

đối với dư nợ gốc 1.100.000.000đ đồng thời gia hạn thời hạn trả nợ là 12 tháng theo chính sách hỗ trợ của Chính phủ.

[2.2] Nguyên đơn tranh luận rằng: Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trong hạn nên Ngân hàng A thông báo thu hồi nợ trước thời hạn; Công ty H vi phạm điều khoản cơ bản nên yêu cầu được tái cơ cấu nợ, gia hạn trả nợ do dịch bệnh Covid -19 không được Ngân hàng chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Dựa trên thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PHR.DN 2013.230419 ngày 24/5/2019, Hợp đồng cấp tín dụng số PHR.DN 2978.260620 ngày 03/7/2020, Khế ước nhận nợ số 312752489 ngày 03/7/2020 của Ngân hàng A được Công ty H đồng thuận ký kết; Ngân hàng A giải ngân cho Công ty H vay số tiền 1.300.000.000đ, lãi suất 10,40%/năm được điều chỉnh mức lãi suất 03 tháng/ lần trong giới hạn lãi suất cho vay (%/năm) = $Ls_{13} + 3,5\%/năm$; Thời hạn vay từ ngày 04/7/2020 đến 03/4/2021 (09 tháng). Ngày 25/11/2020, giữa Ngân hàng A với Công ty H sửa đổi, bổ sung hợp đồng PHR.DN.2978260620/SDBS-01 hạn mức tín dụng theo hợp đồng vay đã sửa đổi còn 1.100.000.000đ vì Công ty H đồng ý xử lý chiếc xe ô tô trả nợ gốc cho Ngân hàng A 200.000.000đ tiền gốc. Vì Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi trong hạn nên Ngân hàng A đã có thông báo ngày 17/3/2021 yêu cầu Công ty H thanh toán nợ trước thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 18/3/2021 đối với dư nợ gốc 1.100.000.000đ, lãi trong hạn 45.139.179đ, tiền phạt 666.220đ.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trong hạn. Công ty H nhận được thông báo thu hồi nợ trước thời hạn từ phía Ngân hàng A nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên không thực hiện được dẫn đến Ngân hàng A khởi kiện. Phạm vi kháng cáo của Công ty H không đồng ý chịu lãi suất nợ quá hạn cũng như yêu cầu được gia hạn thời hạn trả nợ 12 tháng là không có căn cứ vì các thỏa thuận phát sinh ràng buộc mà Ngân hàng khởi kiện được quy định tại Điều 6 mục 6.1 và Điều 7 mục 7.1 của “Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PHR.DN.2013.230519”. Bị đơn nhất trí các nội dung thỏa thuận khi xác lập quan hệ tín dụng bao gồm cách thức tính lãi trong hạn, lãi quá hạn,...

[3.3] Bản án sơ thẩm xác định số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn buộc Công ty H phải thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Tổng số tiền là 1.239.416.713 đồng, trong đó nợ gốc

1.100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 50.723.562 đồng, nợ lãi quá hạn 88.693.151 đồng.

[3.4] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm tuyên về duy trì hợp đồng thể chấp; nghĩa vụ chịu tiền lãi trong giai đoạn thi hành án, chi phí thẩm định, án phí đúng quy định của pháp luật nên được giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[3.5] Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên, chấp nhận nội dung tranh luận của nguyên đơn, không chấp nhận nội dung tranh luận của bị đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí phúc thẩm: Bị đơn (kháng cáo) không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh – thương mại phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 117, 118, 119, 292, 298, 299, 335, 336, 339, 340, 342, 351, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Giống thủy sản H. Giữ nguyên bản án kinh doanh – thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với bị đơn Công ty TNHH Giống thủy sản H.

2.1. Buộc Công ty TNHH Giống thủy sản H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiền nợ gốc và lãi đến ngày 30/9/2021 là 1.239.416.713 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm mười sáu ngàn bảy trăm mười ba đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 50.723.562 đồng, tiền lãi quá hạn 88.693.151 đồng.

2.2. Kể từ ngày 01/10/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã ký thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số PHR.DN.2978.260620 ngày 03/7/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PHR.DN.2978.260620/SĐBS-01, ngày 25/11/2020 và Khế ước nhận nợ số 312752489 ngày 03/7/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2.3. Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H không trả được nợ thì buộc ông Trần Thanh T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

2.4. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PHR.BĐDN.331.230519 ngày 24/5/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Trần Thanh T đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ 07, diện tích 47,7m² (gắn liền căn nhà cấp 2B, diện tích 146,7m²) tọa lạc tại Khu phố 2, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 400859 ngày 18/6/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Trần Thanh T để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ.

3. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền phạt chậm trả lãi 6.273.938 đồng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã rút yêu cầu khởi kiện.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H phải hoàn trả 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Án phí

5.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H phải chịu 49.182.501đ án phí kinh doanh – thương mại sơ thẩm.

5.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh – thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.700.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003253 ngày 08/11/2021 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003235 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện N, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giống thủy sản H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5.3. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024747 ngày 07/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 06/4/2022)./.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên